

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2019/HS-ST
Ngày 19-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hoàng Phương.
2. Ông Lò Văn Quỳnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lâu Thị Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Huế- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Thào A L, sinh năm 1997 tại xã B, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thào A S và bà Chớ Thị V; vợ, con: Không; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân ngày 30 tháng 9 năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 24 tháng 3 năm 2017 thì chấp hành xong án phạt tù; bị bắt tạm giam từ ngày 25 tháng 7 năm 2019; “Có mặt”.

2. Giàng A P, tên gọi khác Giàng A L, sinh ngày 02-9-1996 tại xã B, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A S và bà Chớ Thị M; vợ, con: Không; tiền án: 03 tiền án, ngày 16-3-2016 bị Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 09 tháng 9 năm 2016 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 02- 6- 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái xử phạt

06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 24 tháng 8 năm 2017 thì chấp hành xong hình phạt tù; ngày 18 tháng 01 năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 18 tháng 7 năm 2018 thì chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10-4-2012 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn là 24 tháng; ngày 20-6-2014 bị Chủ tịch UBND thị trấn Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái xử phạt hành chính vì có hành vi gây thiệt hại đến tài sản của người khác; bị bắt tạm giam từ ngày 25 tháng 7 năm 2019; “Có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Thào A L:* Ông Nguyễn Quốc Lâm- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

- *Bị hại:*

1. Thào A T, sinh năm 1982; nơi cư trú thôn P, xã T, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; “Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

2. Trang Thị M, sinh năm 1939; nơi cư trú thôn K, xã B, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

- *Người có quyền lợi liên quan:* Trần Quang T, sinh năm 1987; nơi cư trú tổ dân phố số 5, thị trấn N, huyện V, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người phiên dịch: Ông Mùa A Làng, cán bộ Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ, ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại thôn P, xã T, huyện Trạm Tấu Thào A L, Giàng A P cùng thống nhất đi tán gái, nếu thấy bạn gái có điện thoại thì trộm điện thoại bán lấy tiền. L và P cùng đi đến trước nhà anh Thào A T để xe ở ngoài đường, sau đó cả hai cùng đi vào chân cầu thang nhà anh T, L nói với P là đứng ở đây để L lên nhà xem có điện thoại không, sau khi quan sát xung quanh không có người Thào A L đã đột nhập vào nhà anh T trộm cắp 01 điện thoại Iphone 6S đang sạc pin rồi cất giấu vào túi quần, sau đó L đi ra đến cầu thang thì thấy P đang trèo lên, L vẫy tay và nói với P là lấy được điện thoại, rồi đi xuống. Sau đó hai bị cáo đi đến chỗ để xe, L đưa chiếc điện thoại vừa trộm cắp được cho P xem, trên đường đi P cậy miếng dán cường lực và ốp điện thoại bằng nhựa vứt đi, sau đó mở điện thoại nhưng do điện thoại có cài mật khẩu P không mở được nên đưa lại điện thoại cho L, L cầm điện thoại rồi tắt nguồn cất giấu trong túi áo da đang mặc sau đó L và P cùng đi xuống thị xã Nghĩa Lộ.

Đến khoảng 08 giờ, ngày 10 tháng 7 năm 2019, L và P cùng mang điện thoại trộm cắp được đến quán sửa điện thoại của anh Trần Quang T ở tổ dân phố số 5, thị trấn N, huyện Văn Chấn để phá mật khẩu điện thoại. Sau khi phá được

mật khẩu, L và P đã bán chiếc điện thoại này cho anh T với giá là 1.300.000 đồng. Số tiền bán điện thoại, L chia cho P 950.000 đồng. Anh Thào A T sau khi phát hiện bị mất điện thoại đã nghi ngờ P và L trộm cắp nên đã làm đơn trình báo cơ quan Công an để giải quyết. Tại cơ quan điều tra Thào A L, Giàng A P đã thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc điện thoại của anh T, bị cáo L đã tự nguyện giao nộp số tiền 350.000 đồng, 01 chiếc áo khoác da, màu đen, đã cũ, qua sử dụng và 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu ITEL P11, màu đen, màn hình bị nứt vỡ, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng; bị cáo P đã giao nộp số tiền 900.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu ITEL A32F, màu đen- vàng đồng, màn hình bị nứt vỡ, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng.

Khoảng 18 giờ, ngày 14 tháng 7 năm 2019 Thào A L đến gia đình ông Giàng A P và bà Trang Thị M, địa chỉ thôn K, xã B, huyện Trầm Thủy, sau đó ăn tối và ngủ tại đây. Khi ông P và bà M nằm ngủ trên giường, quan sát thấy bà M có đeo 01 túi vải thổ cẩm loại túi hay dùng để cất giữ tiền nên L đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đến khoảng 01 giờ, ngày 15 tháng 7 năm 2019 khi thấy bà M và ông P đã ngủ say, L dậy dùng tay kéo móc túi đựng tiền của bà M lấy số tiền 4.200.000 đồng, số tiền này sau đó bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại Iphone 6S màu hồng; 350.000đồng, 01 chiếc áo khoác da, màu đen, đã cũ, qua sử dụng và 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu ITEL P11, màu đen, màn hình bị nứt vỡ, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Thào A L; 900.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu ITEL A32F, màu đen- vàng đồng, màn hình bị nứt vỡ, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Giàng A P.

Kết luận định giá tài sản số: 08/KL-HĐĐG ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 điện thoại Iphone 6S, màu hồng đã qua sử dụng có giá trị là 2.300.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 19/CT-VKS-TT ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trầm Thủy, tỉnh Yên Bái đã truy tố các bị cáo Thào A L, Giàng A P về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Thào A L, Giàng A P thừa nhận vào khoảng 22 giờ, ngày 09 tháng 7 năm 2019 các bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại Iphone 6S, màu hồng của anh Thào A T sau đó đã bán chiếc điện thoại này cho anh Trần Quang T với giá 1.300.000 đồng. Bị cáo Thào A L thừa nhận khoảng 01 giờ, ngày 15 tháng 7 năm 2019 bị cáo đã có hành vi trộm cắp của bà Trang Thị M số tiền là 4.200.000đồng.

Bị hại bà Trang Thị M trình bày ngày 15/7/2019 bị cáo Thào A L lợi dụng lúc bà ngủ say đã trộm cắp của bà 4.200.000 đồng. Tại phiên tòa hôm này bà đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật, về trách nhiệm

dân sự bà yêu cầu bị cáo Thào A L phải bồi thường số tiền mà bị cáo đã trộm cắp là 4.200.000 đồng.

Bị cáo Thào A L nhất trí bồi thường cho bà Trang Thị M số tiền là 4.200.000 đồng; bị cáo Thào A L và Giàng A P thỏa thuận bị cáo P có trách nhiệm bồi thường cho anh T 50.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tram Tấu giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi phân tích tính nguy hiểm cho xã hội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Thào A L, Giàng A P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, điểm r, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thào A L từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Giàng A P từ 09 tháng đến 12 tháng tù, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Thào A L và bị hại Trang Thị M, theo đó bị cáo Thào A L có trách nhiệm bồi thường cho bà Trang Thị M 4.200.000 đồng.

Buộc bị cáo Thào A P phải bồi thường cho anh Trần Quang T 50.000 đồng.

- Về vật chứng của vụ án:

+ Trả lại cho anh Trần Quang T 1.250.000 đồng được niêm phong trong phong bì thư do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành.

+ Trả lại cho bị cáo Thào A L 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu ITEL P11, màu đen, màn hình bị nứt vỡ, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Giàng A P 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu ITEL A32F, màu đen- vàng đồng, màn hình bị nứt vỡ, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo khoác da, màu đen, đã cũ, qua sử dụng.

Các bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận gì.

Người bào chữa cho bị cáo Thào A L trình bày lời bào chữa: Nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên, người bào chữa cho rằng bị cáo là người dân tộc thiểu số; sinh sống ở vùng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu, bị cáo đã tự nguyện khai ra hành vi trộm cắp tiền của bà Trang Thị M.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, điểm r, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thào A L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng nhất trí với đề nghị của kiểm sát viên.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung gì, bị cáo Thào A L nhất trí với lời bào chữa. Bị hại không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tràm Tấu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràm Tấu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ, ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại thôn P, xã T, huyện Tràm Tấu, tỉnh Yên Bái Thào A L, Giàng A P đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại Iphone 6S, màu hồng đã qua sử dụng của anh Thào A T có trị giá là 2.300.000đồng. Khoảng 01 giờ, ngày 15 tháng 7 năm 2019 tại nhà bà Trang Thị M và ông Thào A P thôn K, xã B, huyện Tràm Tấu, bị cáo Thào A L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Trang Thị M số tiền là 4.200.000đồng. Do đó hành vi của các bị cáo Thào A L, Giàng A P đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Các bị cáo Thào A L, Giàng A P là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật song do vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần đưa các bị cáo ra xử lý trước pháp luật.

[5] Xét nhân thân: Bị cáo Thào A L đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản đã được xóa án tích; bị cáo Giàng A P có 03 tiền án chưa được xóa án tích. Vì vậy cần xác định các bị cáo Thào A L, Giàng A P là người có nhân thân xấu.

[6] Về tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Thào A L đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trị giá tài sản mỗi lần trộm cắp là trên 2.000.000đồng; bị cáo trộm 4.200.000đồng của bà Trang Thị M, sinh năm 1939 là người trên 70 tuổi nên bị cáo Thào A L phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Giàng A P tại bản án số: 01/2018/HSST ngày 18-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu không xác định hành vi trộm cắp của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, vì vậy hành vi trộm cắp tài sản lần này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, bị hại Thào A T xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy tại điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Thào A L đã tự nguyện khai ra hành vi trộm cắp tiền của bà Trang Thị M nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Giàng A P có ông nội được Chủ tịch nước tặng “Huy chương kháng chiến hạng nhì”, bố đẻ bị cáo được Bộ trưởng Bộ y tế tặng kỷ niệm chương “Vì sức khỏe nhân dân” nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về đồng phạm: Các bị cáo Thào A L Giàng A P là đồng phạm với nhau trong hành vi trộm cắp chiếc điện thoại của anh Thào A T, tuy nhiên giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, nên đây là trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Thào A L rủ bị cáo P tham gia trộm cắp tài sản đồng thời là người thực hành tích cực nên hành vi của bị cáo L là nguy hiểm hơn và chịu hình phạt cao hơn bị cáo P, bị cáo P là người thực hành tích cực nhưng có vai trò thấp hơn nên hành vi của bị cáo là ít nguy hiểm hơn và phải chịu hình phạt thấp hơn bị cáo L.

[8] Xét tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội cũng như việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[9] Về hình phạt bổ sung:

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo L làm nghề trồng trọt, bị cáo P là lao động tự do, thu nhập của các bị cáo không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Trách nhiệm dân sự và vật chứng của vụ án:

- Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa bị hại Trang Thị M yêu cầu bị cáo Thào A L bồi thường 4.200.000 đồng, bị cáo nhất trí, sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là tự nguyện nên cần được chấp nhận; bị hại Thào A T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi liên quan anh Trần Quang T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 1.300.000 đồng; cơ quan điều tra thu hồi được 1.250.000 đồng để trả lại cho anh T, số tiền còn lại là 50.000 đồng, tại phiên tòa các bị cáo thỏa thuận bị cáo P phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh T 50.000 đồng, vì số tiền này do bị cáo P được tiêu.

- Về vật chứng của vụ án:

+ Đối với 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, là tài sản hợp pháp của anh Thào A T, qua trình điều tra cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh T chiếc điện thoại này là có căn cứ.

+ Đối với số tiền 350.000 đồng thu giữ của bị cáo Thào A L và 900.000 đồng thu giữ của bị cáo Giàng A P; đây là số tiền của anh Trần Quang T đã mua điện thoại của Thào A L, Giàng A P, vì vậy cần trả lại cho anh T số tiền này.

+ Đối với 01 chiếc áo khoác da, màu đen, đã cũ, qua sử dụng đây là vật bị cáo Thào A L sử dụng là công cụ phạm tội, xét thấy không có giá trị cần căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy chiếc áo này.

+ Đối với 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu ITEL P11, màu đen thu giữ của bị cáo Thào A L; 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu ITEL A32F, màu đen- vàng đồng thu giữ của bị cáo Giàng A P, đây là những vật thuộc quyền sở hữu hợp pháp của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 3 Điều 106 trả lại cho bị cáo L, bị cáo P những chiếc điện thoại này.

Đối với Trần Quang T là người đã có hành vi mua chiếc điện thoại Iphone 6S của các bị cáo, tuy nhiên anh T không biết đây là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có, nên hành vi của Trần Quang T không cấu thành tội phạm.

[11] Về án phí và các vấn đề khác:

Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Thào A L, Giàng A P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, điểm r, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Thào A L 01 (*một*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, ngày 25 tháng 7 năm 2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Giàng A P 09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, ngày 25 tháng 7 năm 2019.

3. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng của vụ án:

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Thào A L và bị hại Trang Thị M, theo đó bị cáo Thào A L phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Trang Thị M 4.200.000 (*bốn triệu hai trăm nghìn*) đồng.

Buộc bị cáo Giàng A P phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trần Quang T 50.000 (*năm mươi nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại Trang Thị M, người có quyền lợi liên quan Trần Quang T có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo không thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng các bị cáo phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

+ Trả lại cho anh Trần Quang T 1.250.000 (*một triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng được niêm phong trong phong bì thư do bưu điện Việt Nam phát hành.

+ Trả lại cho bị cáo Thào A L 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu ITEL P11, màu đen, màn hình bị nứt vỡ, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Giàng A P 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu ITEL A32F, màu đen- vàng đồng, màn hình bị nứt vỡ, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo khoác da, màu đen, đã cũ, qua sử dụng.

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Bị cáo Thào A L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo L phải chịu 500.000 án phí sơ thẩm.

+ Bị cáo Giàng A P phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo P phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
 - VKSND tỉnh Yên Bái;
 - THADS huyện Trạm Tấu;
 - Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
 - Công an huyện Trạm Tấu;
 - Bị cáo, bị hại,
- người có quyền lợi vụ liên quan;
- Người bào chữa;
 - Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
 - Lưu: Hs, TA, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Lên